

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THAN UYÊN  
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/HS-ST

Ngày: 23/3/2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THAN UYÊN, TỈNH LAI CHÂU**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Lương Thị Mỹ Hằng.
- **Các hội thẩm nhân dân:** Bà Lê Thị Hạnh - Ông Đinh Xuân Thủy.
- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Duy Thế - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Than Uyên tỉnh Lai Châu.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Than Uyên tham gia phiên tòa:** Ông Tòng Văn Thúc - Kiểm sát viên

Ngày 23/3/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 23/2022/TLST-HS, ngày 25/01/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2022/QĐXXST-HS ngày 17/02/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: **08/2022/HSST- QĐ ngày 02/3/2022 đối với bị cáo:**

**Ngà Văn I** - Sinh ngày: 26/7/1983 tại: huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu.

Nơi ĐKKHKT: bản M, xã C, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu; Nơi tạm trú: bản Đ, xã H, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Ngà Văn D và bà: Lò Thị N (Đều đã chết); Bị cáo có vợ thứ nhất: Lò Thị Ng – Sinh năm: 1987 (đã ly hôn); Vợ thứ hai: Lò Thị Đ – sinh năm: 1986 (đã ly hôn); Vợ thứ 3: Hà Thị Ph, sinh năm: 1987 (chung sống như vợ chồng, chưa có đăng ký kết hôn) và 04 con: con lớn nhất: sinh năm 2003, con nhỏ nhất sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ hồi 13 giờ 45 phút ngày 09/11/2021, tạm giam từ ngày 15/11/2021. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Than Uyên (Có mặt).

**- Bị hại gồm:**

1/ Ngà Văn T – Sinh năm: 1982 (có mặt tại phiên tòa).

2/ Vũ Thị H – Sinh năm: 1989 và Tòng Thị H1 – Sinh năm: 1993 .

Đều trú tại: bản M, xã C, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu (vắng mặt có lý do).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm:

1/ Lò Văn D – Sinh năm: 1984; địa chỉ: bản K, xã C, huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La (Có mặt tại phiên tòa).

2/ Lò Văn Ph – Sinh năm: 1978; địa chỉ: bản B, xã C, huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La (có mặt tại phiên tòa).

3/ Nùng Thị Th – Sinh năm: 1985; địa chỉ: bản Đ, xã H, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu (vắng mặt có lý do).

- **Người làm chứng:** Tòng Văn Gi - Sinh năm: 1962; Địa chỉ: bản N, xã P, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu. (vắng mặt không có lý do).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong các ngày 07, 09/11/2021, Ngà Văn I (SN: 1983, HKTT tại bản M, xã C, huyện Than Uyên) đã 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản cụ thể như sau:

Lần 1: Khoảng 09 giờ ngày 07/11/2021, Ngà Văn I điều khiển xe ô tô tải nhãn hiệu THACO mang biển kiểm soát 26K-5233 của I đến nhà ông Vũ Minh Hương, sinh năm 1969, trú tại bản M, xã C để chở cây cho ông Hương. Tại nhà ông Hương, trong lúc không có ai ở phòng khách, I đã vào khu vực bàn uống nước và nhìn thấy trên bàn có 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone XS MAX 64G của con gái ông Hương là chị Vũ Thị H, sinh năm 1989. Thấy vậy, I nảy sinh ý định trộm cắp, chiếm đoạt chiếc điện thoại. Sau đó, I tiến lại gần và lấy chiếc điện thoại trên bàn đút vào túi quần bên trái rồi điều khiển xe ô tô về nhà chị Nùng Thị Th, sinh năm: 1985, trú tại bản Đ, xã H, huyện Than Uyên là người có mối quan hệ tình cảm, sống chung như vợ chồng với I. Gặp chị Thâm, I cầm theo chiếc điện thoại trộm cắp được nhưng không nói cho chị Thâm biết rồi I mượn và điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 30H7-0433 của chị Thâm lên nhà ông Tòng Văn Gi, sinh năm 1962, trú tại bản N, xã P, huyện Than Uyên chơi. Tại nhà ông Giai, I tháo sim trong chiếc điện thoại trộm cắp được ra rồi đưa điện thoại cho ông Giai cất giữ hộ, nhưng không nói cho ông Giai biết là tài sản do trộm cắp mà có. Sau đó, trên đường về I vứt chiếc sim điện thoại vừa tháo ra.

Lần 2: Chiều tối ngày 08/11/2021, I điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 26K-5233 đến ăn cơm và ngủ tại nhà chị gái I là chị Ngà Thị Hẫu (SN: 1967; trú tại bản M, xã C). Lúc chuẩn bị đi ngủ, I nảy sinh ý định trộm cắp trâu của gia đình chị Tòng Thị H1, sinh năm 1993 cùng địa chỉ để bán lấy tiền tiêu xài. I ngủ đến khoảng 03 giờ sáng ngày 09/11/2021 thì dậy và điều khiển xe ô tô xuống đường vào mỏ đá công ty Huy Ngọc thuộc bản Muông, xã Mường Cang rồi lùi đỗ xe vào mồm đất cao để tiện cho việc dắt trâu lên thùng xe. Sau đó, I đi bộ đến chuồng trâu nhà chị Hương, quan sát thấy không có người trông coi, I đã tháo dây thừng dắt một con trâu cái khoảng 06 tuổi ra rồi cho lên thùng xe. Trộm cắp được trâu, I gọi điện thoại cho anh Lò Văn D, sinh năm: 1984, trú tại bản K, xã C, huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La nhờ anh Dũng bán hộ và thuê hộ xe tải đến đón ở địa phận giáp ranh giữa huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La và huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu nhưng I không nói cho anh Dũng biết nguồn gốc con trâu là do trộm cắp mà có. Anh Dũng đồng ý, sau đó, anh Dũng đã gọi điện thoại thuê

xe ô tô tải của anh Lò Văn Ph, sinh năm: 1978, trú tại bản B, xã C đi đón I và chở trâu. Gặp nhau như đã hẹn, I để ô tô của I lại dọc đường rồi cùng Phương chở con trâu đến nhà anh Dũng. Tại nhà anh Dũng, I nhờ anh Dũng bán con trâu với giá 29.000.000 đồng (hai mươi chín triệu đồng). Do chưa bán được trâu nên anh Dũng cho I ứng trước 10.000.000 đồng, khi nào bán được trâu anh Dũng sẽ chuyển khoản cho I số tiền còn lại. Nhận được tiền, I trả tiền thuê xe cho anh Phương 600.000 đồng và tiêu xài hết 400.000 đồng. Sau đó, I bắt xe buýt về xã Mường Giôn, huyện Quỳnh Nhai, rồi đi nhờ xe về địa phận huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu để lấy xe ô tô điều khiển về nhà. Hồi 13 giờ 45 phút cùng ngày, tại khu 7, thị trấn Than Uyên, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu, Ngà Văn I bị Cơ quan điều tra thi hành lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp, tạm giữ 01 xe ô tô tải nhãn hiệu THACO mang biển kiểm soát 26K-5233; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A57 và số tiền 9.000.000 đồng do I bán trâu mà có.

Quá trình điều tra Cơ quan điều tra Công an huyện Than Uyên đã tiến hành tạm giữ 01 con trâu cái 06 tuổi của anh Lò Văn Ph; tạm giữ 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone XS max 64G của ông Tòng Văn Gi và tạm giữ số tiền 600.000 đồng của anh Lò Văn Ph là tiền I bán trâu có được và dùng để thuê xe. Đối với chiếc sim điện thoại, Ngà Văn I khai trên đường đi từ bản Nà Phái xã Phúc Than về bản Đ, xã H, I vứt chiếc sim điện thoại ra ven đường nhưng không nhớ vứt vị trí nào. Cơ quan điều tra đã tổ chức truy tìm nhưng không thu giữ được.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra Công an huyện Than Uyên đã phối hợp với Viện kiểm sát cho khám nghiệm hiện trường và cho Ngà Văn I tiến hành thực nghiệm điều tra theo lời khai báo. Kết quả thực nghiệm phù hợp với lời khai báo của bị cáo và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập trong hồ sơ.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 32/HĐ-ĐGTS ngày 09/11/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện Than Uyên kết luận: 01 con trâu cái màu đen, 06 tuổi có trị giá 27.300.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 33/HĐ-ĐGTS ngày 10/11/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện Than Uyên kết luận: 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone XS max 64G có trị giá 8.975.000 đồng.

Ngày 28/12/2021, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trao trả lại tài sản cho chủ sở hữu hợp pháp gồm:

Trả lại cho chị Vũ Thị H 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone XS max 64G; trả lại cho chị Tòng Thị H 01 con trâu cái 06 tuổi, lông màu đen.

Đối với chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu THACO màu sơn trắng, gắn biển kiểm soát 26K-5233 tạm giữ của Ngà Văn I. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản chung hợp pháp của Ngà Văn I và chị Nùng Thị Th, khi I dùng ô tô để chở trâu do trộm cắp mà có thì chị Thâm không biết. Căn cứ đề nghị và các tài liệu chứng minh nguồn gốc tài sản của chị Thâm, Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe ô tô và 01 chìa khóa xe cho chị Thâm.

Vật chứng còn lại của vụ án gồm: Số tiền 9.000.000 đồng (đã giám định là tiền thật), 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A57 tạm giữ của Ngà Văn I và số tiền 600.000 đồng (đã giám định là tiền thật) tạm giữ của anh Lò Văn Ph,

hiện đang được lưu giữ tại kho vật chứng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Than Uyên.

Về trách nhiệm dân sự: các bị hại Tòng Thị H1 và Vũ Thị H đã nhận lại tài sản bị trộm cắp không có đề nghị gì; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lò Văn D yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền 10.000.000 đồng đã tạm ứng cho I; anh Lò Văn Ph yêu cầu Ngà Văn I hoàn trả số tiền 600.000 đồng tiền thuê xe ô tô.

Bản Cáo trạng số: 12/CT-VKS ngày 24/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Than Uyên đã truy tố bị cáo Ngà Văn I về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 - Bộ luật hình sự 2015.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Than Uyên, Lai Châu giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo về tội danh cũng như điều luật áp dụng.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Ngà Văn I phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 – Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Ngà Văn I từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo tính từ ngày 09/11/2021.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 173 – Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo.

Về vật chứng: đối với số tiền 9.000.000 đồng xác định đây là số tiền anh Lò Văn D cho bị cáo I ứng trước khi được nhờ bán hộ con trâu, nhưng anh Dũng không biết con trâu là do I trộm cắp mà có nên cần trả lại cho anh Dũng số tiền trên. Đối với số tiền 600.000 đồng tạm giữ của anh Lò Văn Ph trả lại cho anh Phương vì đây là giao dịch dân sự ngay tình.

01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A57 tạm giữ của Ngà Văn I tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Ngà Văn I phải có trách nhiệm hoàn trả cho anh Lò Văn D số tiền 1.000.000 đồng còn lại trong tổng số 10.000.000 đồng đã nhận của anh Dũng.

Các bị hại không có yêu cầu nên không phải giải quyết.

Về án phí: buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã nêu; không có tranh luận gì và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Than Uyên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Than Uyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, lời khai của bị hại, những người tham gia tố tụng khác

không có ý kiến gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: xét thấy lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa với lời khai nhận của bị cáo với lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án hoàn toàn phù hợp. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: trong các ngày 07 và 09 tháng 11 năm 2021, bị cáo Ngà Văn I đã 02 lần có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone XS max 64G của chị Vũ Thị H có trị giá là 8.975.000 đồng và 01 con trâu cái 06 tuổi, lông màu đen của chị Tòng Thị H1 có trị giá 27.300.000 đồng. Tổng giá trị tài sản trộm cắp là 36.275.000 đồng, mục đích trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Hành vi mà bị cáo Ngà Văn I thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 - Bộ luật hình sự. Do vậy, bản cáo trạng truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng là hoàn toàn có cơ sở, đúng người, đúng tội, không oan sai.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ phạm tội: Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến tài sản của người khác mà còn xâm hại trực tiếp đến trật tự xã hội, gây mất niềm tin trong quần chúng nhân dân. Bị cáo đã thành niên đủ nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác bị pháp luật ngăn cấm và bị trừng trị nhưng với bản chất tham lam, lười lao động muốn có tiền tiêu xài nên bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian với mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, thì mới có tác dụng giáo dục, cải tạo đối với bị cáo và răn đe phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo; bố đề của bị cáo là ông Ngà Văn Dinh là người có công với cách mạng, bị hại Ngà Văn T xin giảm nhẹ hình phạt nên xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 – BLHS.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, mỗi lần trộm cắp giá trị tài sản đều có giá trị từ 2.000.000 đồng trở lên. Do đó, bị cáo Ngà Văn I phải chịu tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 – Bộ luật hình sự, đó là: “*Phạm tội 02 lần trở lên*”.

Xét về nhân thân: Bị cáo Ngà Văn I chưa có tiền án, tiền sự, mặc dù được bố mẹ cho ăn học đầy đủ, đã từng là viên chức tại cơ quan Nhà nước, là người có trình độ, có hiểu biết, song bị cáo không chịu tu dưỡng rèn luyện bản thân. Để có tiền tiêu xài cá nhân mà không phải bỏ công sức lao động bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người thân bị cáo không những thể hiện thái độ coi thường pháp luật mà còn vi phạm cả về đạo đức, lối sống trong gia đình của bị cáo. Vì vậy, bị cáo phải chịu mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của mình để cải tạo bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

Ý kiến luận tội của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, điều, khoản truy tố, mức hình phạt và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là có căn cứ, phù hợp với pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy: Bị cáo làm nghề tự do, không có thu nhập ổn định. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về biện pháp ngăn chặn: Tiếp tục áp dụng điều 329 – Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015, tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo việc thi hành án, thời gian tạm giam sẽ được khấu trừ vào thời gian chấp hành hình phạt tù.

[7] Về vật chứng của vụ án:

Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng Trả lại cho chị Vũ Thị H 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone XS max 64G; trả lại cho chị Tòng Thị H1 01 con trâu cái 06 tuổi, lông màu đen là những chủ sở hữu hợp pháp.

Đối với chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu THACO màu sơn trắng, gắn biển kiểm soát 26K-5233 tạm giữ của Ngà Văn I. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản chung hợp pháp của Ngà Văn I và chị Nùng Thị Th, khi dùng ô tô để chở trâu do trộm cắp mà có thì chị Th không biết. Căn cứ đề nghị và các tài liệu chứng minh nguồn gốc tài sản của chị Th, Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe ô tô và 01 chìa khóa xe cho chị Th.

Xét thấy, việc xử lý số vật chứng nêu trên tại giai đoạn điều tra là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không phải giải quyết.

Đối với số tiền 9.000.000 đồng tạm giữ khi bị cáo Ngà Văn I bị bắt: Hội đồng xét xử thấy rằng quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo I và anh D đều thừa nhận đây là một phần tiền giá trị con trâu anh D cho bị cáo I ứng trước nhưng anh D không biết nguồn gốc con trâu là do I phạm tội mà có. Hơn nữa, tài sản trộm cắp là con trâu đã được thu hồi trả lại cho chủ sở hữu nên xem xét trả lại cho anh D là phù hợp.

Đối với số tiền 600.000 đồng tạm giữ của anh Lò Văn Ph, xét thấy đây là giao dịch dân sự ngay tình và tiền công chính đáng của anh Phương nên trả lại cho anh Phương số tiền trên.

01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A57 tạm giữ của Ngà Văn I, đây là chiếc điện thoại bị cáo I dùng để liên lạc trong quá trình phạm tội, do đó, cần tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

[7] Về trách nhiệm dân sự (TNDS): Buộc bị cáo Ngà Văn I phải có trách nhiệm hoàn trả cho anh Lò Văn D số tiền còn lại là 1.000.000 đồng trong tổng số 10.000.000 đồng đã ứng của anh Dũng.

Do các bị hại không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không phải giải quyết.

[9] Các vấn đề khác của vụ án:

Đối với Tòng Văn Gi là người cất hộ chiếc điện thoại di động do I trộm cắp mà có; anh Lò Văn D là người nhận lời bán hộ trâu cho I và anh Lò Văn Ph là người được I thuê chở trâu. Quá trình điều tra xác định: ông Giai, anh Dũng,

anh Phương không biết tài sản mang đến là tài sản do phạm tội mà có. Do đó, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với ông Gi, anh D, anh Ph là đúng quy định.

Đối với chị Nùng Thị Th là chủ sở hữu xe mô tô biển kiểm soát 30H7-0433 và đồng sở hữu xe ô tô tải nhãn hiệu THACO mang biển kiểm soát 26K-5233 với bị cáo I. Việc mang xe mô tô và xe ô tô để thực hiện hành vi phạm tội, chị Th không biết nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với chị Th là có căn cứ.

[10] Về án phí: Bị cáo Ngà Văn I phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 - Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo: **Ngà Văn I** phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

#### **1. Về hình phạt:**

Xử phạt bị cáo Ngà Văn I 22 (hai mươi hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ hồi 13 giờ 45 phút ngày tạm giữ 09/11/2021.

**2. Về trách nhiệm dân sự:** Căn cứ vào Điều 46, khoản 1 Điều 48 – Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 589; Điều 357; Điều 468 – Bộ luật dân sự 2015.

Buộc bị cáo Ngà Văn I phải có trách nhiệm hoàn trả cho anh Lò Văn D, Sinh năm: 1984, trú tại: bản K, xã C, huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La số tiền 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*).

*Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án không tự nguyện thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.*

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**3. Về vật chứng:** Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự 2015 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Trả cho anh Lò Văn D, Sinh năm: 1984, trú tại: bản K, xã C, huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La số tiền 9.000.000 đồng.

Trả cho anh Lò Văn Ph – Sinh năm: 1978; địa chỉ: bản B, xã C, huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La số tiền 600.000 đồng.

Tịch thu 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A57 sung vào Ngân sách Nhà nước.

*(Tình trạng vật chứng, tài sản theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 27/01/2022 giữa Công an huyện Than Uyên và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Than Uyên).*

**4. Về án phí:** Căn cứ Điều 135; khoản 2 Điều 136 – Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Điều 23 Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Bị cáo Ngà Văn I phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

**5. Về quyền kháng cáo:** Căn cứ các Điều 331, Điều 333 – Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo đối với những vấn đề liên quan đến quyền, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại được quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo đối với những vấn đề liên quan đến quyền, nghĩa vụ của mình, trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định lên Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu để xét xử phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- VKS huyện Than Uyên (2b);
- THA dân sự H. Than Uyên;
- Bị hại; Người có QLNVLQ;
- CQĐT huyện Than Uyên;
- CQ THAHS H. Than Uyên;
- THA PT;
- UBND xã Mường Cang (để biết);
- Bị cáo;
- Sở Tư pháp Lai Châu;
- Lưu: HS-TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lương Thị Mỹ Hằng**



**THÀNH VIÊN  
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN  
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Hạnh**

**Đinh Xuân Thủy**

**Lương Thị Mỹ Hằng**